TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 404/2024/DS-ST
Ngày 24-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cửu Thị Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh

2. Bà Nguyễn Hồng Dịu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Phương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhàn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 187/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Q; Trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2, Tòa nhà S, số 111A đường P, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Thành Đ, sinh năm: 1996; Bà Đinh Thị Mai A, sinh năm: 1993; ông Nguyễn Tuấn M, sinh năm: 1985; Cùng địa chỉ liên lạc: Tầng 6, Tòa nhà P, số 26 đường U, Phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Q; Theo Giấy ủy quyền số 082513.24 ngày 24/4/2024.

2. *Bị đơn*: Ông Đỗ Minh H, sinh năm: 1982; Địa chỉ ĐKTT: 382/9 đường P, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ tạm trú: 110/21A đường T, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 08 tháng 10 năm 2021 và ngày 25/12/2023 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q có ông Đặng Thành Đ làm đại diện trình bày: Ngày 12/12/2019, ông Đỗ Minh H đã nộp đơn Đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế tại Ngân hàng TMCP Q, tổng hạn mức là: 148,000,000 đồng, loại thẻ: MC V Cash back Platinum, MC V Financial Free Classic, mục đích sử dụng: Tiêu dùng cá nhân.

Căn cứ đơn Đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế của ông Đỗ Minh H, ngày 12/12/2019 Ngân hàng TMCP Q ký với ông Đỗ Minh H theo đơn Đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế với nội dung:

- Thẻ tín dụng MC CR PLA Cash back: Số tài khoản: 000000000266848; Số thẻ: 5138928080536515; Hạn mức: 100.000.000 đồng; Mục đích giải ngân: Tiêu dùng cá nhân; Thời hạn sử dụng: từ ngày 17/12/2019 đến này 17/12/2024; Lãi suất: theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ (Bảng kê chi tiết lãi của khách hàng).

- Thẻ tín dụng V Financial Free Classic: Số tài khoản: 000000000266829; Số thẻ: 5128240001283793; Hạn mức: 48.000.000 đồng; Mục đích giải ngân: Tiêu dùng cá nhân; Thời hạn sử dụng: từ ngày 17/12/2019 đến ngày 17/12/2024; Lãi suất: theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ (Bảng kê chi tiết lãi của khách hàng).

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đỗ Minh H đã không thanh toán Thẻ tín dụng V Financial Free Classic từ ngày 11/7/2020 và Thẻ MC CR PLA Cash back từ ngày 11/7/2020. Đại diện Ngân hàng TMCP Q đã nhiều lần liên hệ (bằng hình thức gọi điện, nhắn tin, gửi email thông báo dư nợ, gửi văn bản nhắc nợ đến nơi cư trú...) và tạo điều kiện cho ông Đỗ Minh H thanh toán nhưng ông Đỗ Minh H cố tình tránh né không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Tổng cộng số tiền ông Đỗ Minh H đã thanh toán từ ngày mở thẻ đến nay của Thẻ tín dụng V Financial Free Classic là:

Số tài khoản thẻ	Gốc	Lãi	Phí	Tổng
000000000266829	283.110.045	4.767.115	2.089.955	289.967.115

Tổng cộng số tiền ông Đỗ Minh H đã thanh toán từ ngày mở thẻ đến nay của Thẻ tín dụng MC CR PLA Cash back là:

Số tài khoản thẻ	Gốc	Lãi	Phí	Tổng
000000000266848	603.052.000	3.500.000	949.000	607.501.000

Tổng dư nợ Hợp đồng thẻ tín dụng của ông Đỗ Minh H tạm tính đến nay:

Số tài khoản thẻ	Nợ gốc	Nợ Lãi	Nợ Phí	Tổng
000000000 266848	96.936.540	37.422.554	55.036.670	189.395.764
000000000 266829	43.284.955	19.198.434	53.623.361	116.106.750
Tổng nợ	140.221.495	56.620.988	108.660.031	305.502.514

Tổng dư nợ Hợp đồng thẻ tín dụng của ông Đỗ Minh H tạm tính đến 25/12/2023 là: 309.633.995 đồng có thay đổi so với hiện tại do ngày 27/12/2023 thẻ 000000000266829 được hoàn phí là 1.316.337 đồng và thẻ 000000000266848 được hoàn phí là 2.815.144 đồng nên tổng nợ còn lại là: 305.502.514 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP Q yêu cầu Toà án xem xét giải quyết:

Buộc ông Đỗ Minh H trả ngay cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến nay là 305.502.514 đồng, trong đó: nợ gốc là: 140.221.495 đồng, nợ lãi là: 56.620.988 đồng và phí là: 108.660.031đồng.

Đề nghị Quý Tòa tiếp tục tính lãi, phí kể từ 31/7/2024 cho đến khi ông Đỗ Minh H thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại đơn Đăng ký phát hành thẻ tín dụng quốc tế, Bản chấp thuận điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng đã ký.

Bị đơn ông Đỗ Minh H đã được Tòa án tiến hành thông báo thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đương sự đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng đương sự không đến, do đó không có lời khai của đương sự tại Tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q thì đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng, do bị đơn cư trú tại Quận 8. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự .

[2] Xét Bị đơn ông Đỗ Minh H; Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Q có bà Đinh Thị Mai A và ông Nguyễn Tuấn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử.

[3] Xét Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 12/12/2019, Ngân hàng TMCP Q đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Đỗ Minh H, cụ thể:

- Thẻ tín dụng V Financial Free Classic: Số tài khoản: 000000000266829; Số thẻ: 5128240001283793; Hạn mức: 48.000.000 đồng; Mục đích giải ngân: Tiêu dùng cá nhân; Thời hạn sử dụng: từ ngày 17/12/2019 đến ngày 17/12/2024; Lãi suất: theo quy định của V từng thời kỳ (Bảng kê chi tiết lãi của khách hàng).

- Thẻ tín dụng MC CR PLA Cash back: Số tài khoản: 000000000266848; Số thẻ: 5138928080536515; Hạn mức: 100.000.000 đồng; Mục đích giải ngân: Tiêu dùng cá nhân; Thời hạn sử dụng: từ ngày 17/12/2019 đến ngày 17/12/2024; Lãi suất: theo quy định của V từng thời kỳ (Bảng kê chi tiết lãi của khách hàng).

Từ ngày 11/7/2020 ông Đỗ Minh H đã không thanh toán đối với Thẻ tín dụng V Financial Free Classis và Thẻ tín dụng MC CR PLA Cash back. Dư nợ gốc tại thời điểm đó: Đối với Thẻ tín dụng V Financial Free Classic là 43.284.955 đồng, kèm theo tiền lãi phát sinh và Thẻ tín dụng MC CR PLA Cash back là 96.936.540 đồng, kèm theo tiền lãi phát sinh. Các tình tiết trên đây đã được thông báo đến bị đơn nhưng đương sự không có ý kiến phản hồi. Tòa án xác định các tình tiết trên là sự thật theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét trong quá trình thực hiện hợp đồng theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 12/12/2019; Kèm theo Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng V. Ông Đỗ Minh H đã không đóng tiền lãi, phí và trả nợ gốc cho Ngân hàng TMCP Q đối với Thẻ tín dụng V Financial Free Classis và Thẻ tín dụng MC CR PLA Cash back từ ngày 11/7/2020; Là vi phạm thỏa thuận mà hai bên đã thỏa thuận ký kết, Điều 466 của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng. Do đó Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Minh H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền là 305.502.514 đồng, trong đó: nợ gốc là 140.221.495 đồng, nợ lãi từ ngày 11/7/2020 đến ngày 10/11/2021 là 56.620.988 đồng, nợ phí từ ngày 11/7/2020 đến ngày 10/11/2021 là: 108.660.031 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 25/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày

12/12/2019; Kèm theo Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng V. Cụ thể:

Đối với Thẻ tín dụng MC CR PLA Cash back, số tài khoản thẻ: 000000000266848: Nợ gốc là 96.936.540 đồng, nợ lãi là: 37.422.554 đồng, nợ phí là 55.036.670 đồng. Tổng cộng là 189.395.764 đồng.

Đối với Thẻ tín dụng V Financial Free Classic, số tài khoản thẻ: 000000000266829: Nợ gốc là 43.284.955 đồng, nợ lãi là: 19.198.434 đồng, nợ phí là: 53.623.361 đồng. Tổng cộng là 116.106.750 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q là có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ Minh H phải chịu án phí trên tổng số tiền thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q. Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc ông Đỗ Minh H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng cộng số tiền là 305.502.514 (Ba trăm lẻ năm triệu năm trăm lẻ hai ngàn năm trăm mười bốn) đồng; Trong đó: nợ gốc là 140.221.495 (Một trăm bốn mươi triệu hai trăm hai mươi mốt ngàn bốn trăm chín mươi lăm) đồng, nợ lãi là 56.620.988 (Năm mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi ngàn chín trăm tám mươi tám) đồng, nợ phí là: 108.660.031 (Một trăm lẻ tám triệu sáu trăm sáu mươi ngàn không trăm ba mươi mốt) đồng; Theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 12/12/2019 và Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng V. Cụ thể:

Đối với Thẻ tín dụng MC CR PLA Cash back, số tài khoản thẻ: 000000000266848: Nợ gốc là 96.936.540 (Chín mươi sáu triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn năm trăm bốn mươi) đồng, nợ lãi là: 37.422.554 (Ba mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn năm trăm năm mươi bốn) đồng, nợ phí là 55.036.670 (Năm mươi lăm triệu không trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm bảy mươi) đồng. Tổng cộng là 189.395.764 (Một trăm tám mươi chín triệu ba trăm chín lăm ngàn bảy trăm sáu mươi bốn) đồng.

Đối với Thẻ tín dụng V Financial Free Classic, số tài khoản thẻ: 000000000266829: Nợ gốc là 43.284.955 (Bốn mươi ba triệu hai trăm tám mươi bốn ngàn chín trăm năm mươi lăm) đồng, nợ lãi là: 19.198.434 (Mười chín triệu một trăm chín mươi tám ngàn bốn trăm ba mươi bốn) đồng, nợ phí là: 53.623.361 (Năm mươi ba triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn ba trăm sáu mươi mốt) đồng. Tổng cộng là 116.106.750 (Một trăm mười sáu triệu một trăm lẻ sáu ngàn bảy trăm năm mươi) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Đỗ Minh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Q thì lãi suất mà ông Đỗ Minh H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất của Ngân hàng TMCP Q.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ Minh H phải chịu là 15.275.125 (Mười lăm triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn một trăm hai mươi lăm) đồng.

Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Q tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.243.135 (Sáu triệu hai trăm bốn mươi ba ngàn một trăm ba mươi lăm) đồng theo biên lai thu số 0036653 ngày 30/01/2024 cuả Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi

tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Cửu Thị Mẫn